TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1541/2019/QĐST-HNGĐ	*Hóc Môn, ngày 21 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 994/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thùy N, sinh năm 1983.

Thường trú: 100/2B ấp D, xã T, huyện H, Tp. HCM

* *Bị đơn:* Ông Cao Hồng P, sinh năm 1982.

Thường trú: 100/2B ấp D, xã T, huyện H, Tp. HCM.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Thùy N và ông Cao Hồng P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà N và ông P có 02 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 29/3/2004; Cao T, sinh ngày 18/5/2007. Khi ly hôn ông P trực tiếp nuôi dưỡng trẻ 02 trẻ H, T đến tuổi trưởng thành; bà N cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng; cụ thể tiền cấp dưỡng mỗi trẻ số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt qua mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự

năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: đương sự khai không có.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 150.000 đồng bà N tự nguyện chịu, ngoài ra bà N chịu án phí số tiền 150.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nhuận đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004610 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HHM;
- UBND xã T, huyện H;
(số 151 quyển 01/2003)
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lý Thành Danh